

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2022

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215,681,478,267	158,011,637,536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,733,574,486	2,193,747,540
1. Tiền	111		3,733,574,486	2,193,747,540
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,500,000,000	1,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7,500,000,000	1,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153,872,474,719	110,300,646,609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	117,380,152,855	86,665,592,858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22,124,906,400	6,082,978,019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	13,018,000,000	16,968,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2,653,458,213	1,975,420,403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,305,397,909)	(1,396,517,909)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	1,355,160	5,173,238
IV. Hàng tồn kho	140		49,829,040,850	43,556,326,704
1. Hàng tồn kho	141	V.9	49,829,040,850	43,556,326,704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		746,388,212	460,916,683
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	287,316,102	458,831,531
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.11	444,801,562	2,085,152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	14,270,548	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29,599,932,614	28,628,851,966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	34,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.13	-	34,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,339,834,145	26,889,256,294
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	27,336,424,645	26,870,504,044
Nguyên giá	222		38,289,413,892	35,894,578,311
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,952,989,247)	(9,024,074,267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	3,409,500	18,752,250
Nguyên giá	228		159,181,000	159,181,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155,771,500)	(140,428,750)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.16	844,615,980	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		844,615,980	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,415,482,489	1,705,595,672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1,415,482,489	1,705,595,672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		245,281,410,881	186,640,489,502

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		131,092,401,233	84,781,285,181
I. Nợ ngắn hạn	310		118,537,150,269	70,940,034,217
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	33,975,318,687	19,674,744,435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19	2,231,218,561	982,442,041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	2,597,872,774	3,349,165,353
4. Phải trả người lao động	314	V.21	2,072,875,609	2,141,923,843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	47,685,041	305,190,158
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	447,356,958	598,612,042
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	75,736,571,016	42,573,714,572
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.25	267,363,054	267,363,054
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.26	1,160,888,569	1,046,878,719
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12,555,250,964	13,841,250,964
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	11,578,000,000	12,864,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	977,250,964	977,250,964
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114,189,009,648	101,859,204,321
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	114,189,009,648	101,859,204,321
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95,855,110,000	79,879,480,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95,855,110,000	79,879,480,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,656,853,462	3,350,096,346
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14,677,046,186	18,629,627,975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,025,862,301	3,291,772,192
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,651,183,885	15,337,855,783
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		245,281,410,881	186,640,489,502

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	61,702,158,025	45,798,435,931	184,597,576,521	143,323,312,625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		685,566,235	13,337,572	759,620,902	229,650,335
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61,016,591,790	45,785,098,359	183,837,955,619	143,093,662,290
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51,916,038,542	39,795,018,965	158,984,225,968	123,259,088,144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,100,553,248	5,990,079,394	24,853,729,651	19,834,574,146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	256,359,042	325,015,874	929,941,183	944,997,355
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,342,817,163	1,061,804,315	3,481,218,089	2,747,998,788
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,294,441,183	1,059,815,323	3,388,240,348	2,744,304,981
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1,118,238,283	1,000,440,526	2,714,677,776	3,730,065,974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,187,979,166	1,814,272,865	7,298,607,647	8,035,825,562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,707,877,678	2,438,577,562	12,289,167,322	6,265,681,177
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,278,047,599	1,002,045,812	3,573,150,177	3,666,813,357
12. Chi phí khác	32	VI.8	15,600	45,767,053	34,403,894	50,461,159
13. Lợi nhuận khác	40		1,278,031,999	956,278,759	3,538,746,283	3,616,352,198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,985,909,677	3,394,856,321	15,827,913,605	9,882,033,375
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,201,646,135	678,971,264	3,176,729,720	1,996,814,719
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,784,263,542	2,715,885,057	12,651,183,885	7,885,218,656

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128 116 131 521	107 302 376 561
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(128 115 747 008)	(90 525 258 219)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10 662 436 999)	(9 847 596 114)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3 330 310 065)	(1 128 320 478)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2 915 587 141)	(4 140 581 391)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1 389 849 725	4 502 975 316
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12 790 790 249)	(48 305 153 301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28 308 890 216)	(42 141 557 626)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20 000 000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10 050 000 000)	(2 166 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8 000 000 000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1 860 717	42 325 623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2 028 139 283)	(2 123 674 377)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			980 000 000
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		111 719 192 583	60 556 496 339
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(79 842 336 138)	(24 820 049 051)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31 876 856 445	36 716 447 288
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		1 539 826 946	(7 548 784 715)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 193 747 540	8 910 607 965
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		3 733 574 486	1 361 823 250

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý III/ 2022)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 114 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	110,416,462	65,840,721
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,623,158,024	2,127,906,819
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>3,733,574,486</u>	<u>2,193,747,540</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>107,296,728,313</i>	<i>82,483,839,104</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	76 607 881 129	63 281 652 188
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	794 396 334	1 684 086 700
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	1 323 261 716	2 466 663 430
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	8 908 629 411	4 936 564 398
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SF)	8 919 392	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ S	19 653 640 331	10 114 872 388
...		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10,083,424,542</i>	<i>4,181,753,754</i>
Các khách hàng khác	10,083,424,542	4,181,753,754
Cộng	<u>117,380,152,855</u>	<u>86,665,592,858</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	22,124,906,400	6,082,978,019
CHANGZHOU SUNNERGY ENERGY TECHNOLOGY	-	-
QUINGDAO SUNTY-ECO INDUSTRY & TRADE CO	-	111,567,606
AIMA SPORT (TIANJIN) CO., LTD	9,547,112,831	2,820,177,499
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	512,165,729	259,637,162
LINYI TONGDA GLOBAL PURCHASE CO., LTD	3,402,520	1,669,334,410
NANNING GAOLI INDUSTRIAL AND TRADING CO	861,288,897	-
WUXI ECOOTER TECHNOLOGY CO., LTD	4,301,189,907	-
Các nhà cung cấp khác	6,899,746,516	1,222,261,342
Cộng	<u>22,124,906,400</u>	<u>6,082,978,019</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	7,000,000,000	15,000,000,000
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm	7,000,000,000	15,000,000,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6,018,000,000	1,968,000,000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	6,018,000,000	1,968,000,000
Cộng	13,018,000,000	16,968,000,000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2,653,458,213	-1,305,397,909	1,975,420,403	-1,396,517,909
Tạm ứng	1,475,509,070		866,321,903	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,177,949,143	-1,305,397,909	1,109,098,500	-1,396,517,909
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	105,949,143	-233,397,909	37,098,500	-324,517,909
Cộng	2,653,458,213	-1,305,397,909	1,975,420,403	-1,396,517,909

6. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
...				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác			34,000,000	
...				
Các khoản phải thu dài hạn khác			34,000,000	
Cộng			34,000,000	

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số cuối năm/kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	1,305,397,909	-	1,396,517,909	-
Ông Hoàng trọng Thủy	171,397,909		171,397,909	
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000		536,000,000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000		536,000,000	
Các đối tác doanh nghiệp	62,000,000		153,120,000	
Cộng	1,305,397,909	-	1,396,517,909	-

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Hàng tồn kho	1,355,160	5,173,238
Tài sản cố định		
Tài sản khác		
Cộng	1,355,160	5,173,238

9. Hàng tồn kho

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	38,013,680		3,701,080,190	
Nguyên liệu, vật liệu	24,414,158,382		22,365,790,704	
Công cụ, dụng cụ	491,320,586		573,942,235	
Bao bì luân chuyển	699,472			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	735,495,323		1,265,039,057	
Thành phẩm	19,537,571,162		11,114,408,745	
Hàng hóa	4,611,782,245		4,536,065,773	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	49,829,040,850		43,556,326,704	

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	36,424,139	60,958,876
Công cụ dụng cụ	240,114,845	277,838,503
Chi phí quảng cáo		
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		30,222,219
Chi phí sửa chữa		28,392,889
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10,777,118	61,419,044
Cộng	287,316,102	458,831,531

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	580,411,841	480,523,813
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Sửa chữa cải tạo máy móc, thiết bị văn phòng, nhà xưởng	769,000,123	1,110,571,947
Chi phí quảng cáo	56,967,761	89,012,144
Chi phí trả trước dài hạn khác	9,102,764	25,487,768
Cộng	1,415,482,489	1,705,595,672

11. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	34,444,667,995	1,279,801,818	170,108,498	35,894,578,311
Mua trong năm/kỳ	1,809,641,378	680,188,653	30,161,332	2,519,991,363
Đầu tư XDCB hoàn thành				
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán	-125,155,782			-125,155,782
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	<u>36,129,153,591</u>	<u>1,959,990,471</u>	<u>200,269,830</u>	<u>38,289,413,892</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-8,431,928,564	-526,205,913	-65,939,790	-9,024,074,267
Khấu hao trong năm/kỳ	-1,797,650,129	-193,786,514	-40,891,832	-2,032,328,475
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán	103,413,495			103,413,495
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	<u>-10,126,165,198</u>	<u>-719,992,427</u>	<u>-106,831,622</u>	<u>-10,952,989,247</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	26,012,739,431	753,595,905	104,168,708	26,870,504,044
Số cuối năm/kỳ	<u>26,002,988,393</u>	<u>1,239,998,044</u>	<u>93,438,208</u>	<u>27,336,424,645</u>

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm			159,181,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			<u>159,181,000</u>	<u>159,181,000</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm			-140,428,750	-140,428,750
Khấu hao trong năm/kỳ			-15,342,750	-15,342,750
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			<u>-155,771,500</u>	<u>-155,771,500</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm			18,752,250	18,752,250
Số cuối năm/kỳ			<u>3,409,500</u>	<u>3,409,500</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định			
Xây dựng cơ bản dở dang		844,615,980	844,615,980
Lắp đặt sàn kho tầng 2 nhà máy xe điện Bắc Ninh		844,615,980	844,615,980
Sửa chữa lớn tài sản cố định			
Cộng		844,615,980	844,615,980
14. Phải trả người bán ngắn hạn			
		<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		20,849,059,428	3,151,699,930
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		2,521,390,784	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		1,510,676,469	3,038,572,698
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn			45,540,000
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)			19,584,950
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		16,816,992,175	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà			48,002,282
Phải trả các nhà cung cấp khác		13,126,259,259	16,523,044,505
Các nhà cung cấp khác		13,126,259,259	16,523,044,505
Cộng		33,975,318,687	19,674,744,435
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
		<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan		-	-
Trả trước của các khách hàng khác		2,231,218,561	982,442,041
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư NTC Việt Nam		514,220,000	-
Công ty CP xây dựng Du lịch TM Bạch Long		-	-
Nguyễn Văn Quyết		654,120,000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thu Thảo 26		-	50,000,000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Hà Tây		300,000,000	150,000,000
Công ty TNHH Valqua Việt Nam		-	744,800,000
Các khách hàng khác		762,878,561	37,642,041
Cộng		2,231,218,561	982,442,041
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,165,451,538		344,710,193	1,386,093,617	124,068,114	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			4,444,116,248	4,444,116,248		
Thuế tiêu thụ đặc biệt						
Thuế xuất, nhập khẩu		2,085,152	1,463,550,194	1,475,735,590		14,270,548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,149,031,205		3,176,729,720	2,915,587,141	2,410,173,784	
Thuế thu nhập cá nhân	34,682,610		399,106,045	370,157,779	63,630,876	
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất						
Tiền thuê đất						
Thuế bảo vệ môi trường			1,725,000	1,725,000		
Các loại thuế khác			6,500,000	6,500,000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			59,300,000	59,300,000		
Cộng	3,349,165,353	2,085,152	9,895,737,400	10,659,215,375	2,597,872,774	14,270,548

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định của ND 15 /2022/ND-CP ngày 28/01/2022

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,985,909,677	3,394,856,321
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	22,321,000	102,040,213
- Các khoản điều chỉnh tăng	22,321,000	102,040,213
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	6,008,230,677	3,496,896,534
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	6,008,230,677	3,496,896,534
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thu	1,201,646,135	699,379,308
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,201,646,135	699,379,308
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1,201,646,135	699,379,308

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	2,072,875,609	2,141,923,843
Tiền thưởng phải trả		
...		
Cộng	<u>2,072,875,609</u>	<u>2,141,923,843</u>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	47,685,041	305,190,158
Cộng	<u>47,685,041</u>	<u>305,190,158</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	447,356,958	598,612,042
Tài sản thừa chờ giải quyết	3,881,734	
Kinh phí công đoàn	185,207,080	177,502,420
Bảo hiểm xã hội	751,200	-
Bảo hiểm y tế	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-	
Phải trả về cổ phần hóa	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	
...		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	252,516,944	421,109,622
Cộng	<u>447,356,958</u>	<u>598,612,042</u>

20. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	73,807,571,016	73,807,571,016	40,001,714,572	40,001,714,572
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	49,184,870,692	49,184,870,692	39,301,714,572	39,301,714,572
Vay ngắn hạn Vietcombank CN SGD	24,622,700,324	24,622,700,324		
Vay ngắn hạn các cá nhân			700,000,000	700,000,000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1,929,000,000	1,929,000,000	2,572,000,000	2,572,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả BIDV Thanh Xuân	819,000,000	819,000,000	1,092,000,000	1,092,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	1,110,000,000	1,110,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
Cộng	75,736,571,016	75,736,571,016	42,573,714,572	42,573,714,572

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11,578,000,000	11,578,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân	4,933,000,000	4,933,000,000	5,479,000,000	5,479,000,000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	6,645,000,000	6,645,000,000	7,385,000,000	7,385,000,000
Cộng	11,578,000,000	11,578,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	267,363,054	267,363,054
Dự phòng trợ cấp thôi việc		
...		
Cộng	267,363,054	267,363,054

23. Dự phòng phải trả dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	930,032,464	930,032,464
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-
Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾		-
Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn ⁽ⁱⁱ⁾		-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47,218,500	47,218,500
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ		-
...		-
Cộng	977,250,964	977,250,964

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Quỹ khen thưởng	1,046,878,719	153,378,558	(39,368,708)	1,160,888,569
Quỹ phúc lợi				-
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	1,046,878,719	153,378,558	(39,368,708)	1,160,888,569

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng bảo hành + khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	65,749,980,000	1,041,216,087	2,214,333,235	712,721,723	24,774,538,547	92,738,851,782
Chi trả cổ tức bằng tiền					-6,574,998,000	-6,574,998,000
Thủ lao BKS, HĐQT					-168,200,000	-168,200,000
Trích lập các quỹ		203,397,931	1,135,763,111	454,305,244	-1,590,068,355	-454,305,244
Chi từ quỹ khen thưởng				-120,148,248		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	13,149,500,000				-13,149,500,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	980,000,000					980,000,000
Lợi nhuận trong kỳ					15,337,855,783	15,337,855,783
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập						
...						
Số dư cuối năm trước	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Số dư đầu năm nay	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Thủ lao BKS, HĐQT					-168,000,000	-168,000,000
Trích lập các quỹ			306,757,116	153,378,558	-460,135,674	-153,378,558
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	15,975,630,000				-15,975,630,000	
Lợi nhuận trong kỳ					12,651,183,885	12,651,183,885
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập						
Chi từ quỹ khen thưởng				-39,368,708		
Số dư cuối năm nay/kỳ này	95,855,110,000	1,244,614,018	3,656,853,462	1,160,888,569	14,677,046,186	114,189,009,648

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	48,288,240,000	40,240,200,000
Hoàng Mạnh Tân	10,914,000,000	9,095,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng		
TMCP Công Thương Việt Nam	9,360,000,000	7,800,000,000
Khác	27,292,870,000	22,744,280,000
Cộng	95,855,110,000	79,879,480,000

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9 585 511	7 987 948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9 585 511	7 987 948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9 585 511	7 987 948

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	13,125,322,413	12,428,399,998
Doanh thu bán thành phẩm	48,449,444,442	33,244,829,165
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127,391,170	99,811,184
Doanh thu khác		25,395,584
Cộng	61,702,158,025	45,798,435,931

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	88,057,284	218,988,588
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	37,392,712,018	33,369,164,710
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		12,100,000
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2,437,934,168	2,704,710,377
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	455,552,033	82,033,890
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	4,315,412,274	1,220,300,000
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		493,377
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	2,697,362,267	2,777,090,940
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	2,209,732,100	1,511,642,300
khách hàng khác	12,105,395,881	3,901,911,749
Tặng cặng	<u>61,702,158,025</u>	<u>45,798,435,931</u>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	312,037,037	
Hàng bán bị trả lại	373,529,198	13,337,572
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>685,566,235</u>	<u>13,337,572</u>
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10,565,333,104	9,292,187,909
Giá vốn của thành phẩm đã bán	41,270,652,815	30,127,270,310
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	80,052,623	375,560,746
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	<u>51,916,038,542</u>	<u>39,795,018,965</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	714,518	434,294
Lãi từ hoạt động cho vay	242,030,245	307,229,590
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13,614,279	17,351,990
Khác		
Cộng	<u>256,359,042</u>	<u>325,015,874</u>
5. Chi phí tài chính		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,294,441,183	1,059,815,323
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	48,375,980	1,988,992
...		
Cộng	<u>1,342,817,163</u>	<u>1,061,804,315</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	483,563,572	312,592,250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32,778,316	165,200,911
Chi phí bảo hành	130,863,101	277,293,246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	446,909,612	137,922,683
Các chi phí khác	24,123,682	107,431,436
Cộng	<u>1,118,238,283</u>	<u>1,000,440,526</u>

7. Chi phí quản lý

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,257,405,873	999,964,550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83,170,414	112,491,549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	513,287,373	503,391,802
Thuế, phí và lệ phí		51,978,032
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí dự phòng		
Các chi phí khác	334,115,506	146,446,932
Cộng	<u>2,187,979,166</u>	<u>1,814,272,865</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,278,047,599	1,002,045,812
Thu nhập khác		
Cộng	<u>1,278,047,599</u>	<u>1,002,045,812</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí khác	15,600	45,767,053
Cộng	<u>15,600</u>	<u>45,767,053</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lập. ngày 20 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân